

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐỨC THÀNH

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

**NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI
MY LIFE**

HẢI PHÒNG, NĂM 2020

SỞ Y TẾ HẢI PHÒNG
CHI CỤC AN TOÀN
VỆ SINH THỰC PHẨM

Số: 89/TCBSP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 25 tháng 6 năm 2020

PHIẾU TIẾP NHẬN BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Hải Phòng tiếp nhận BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM của:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐỨC THÀNH

Địa chỉ: Khu dân cư số 4, phường Bắc Sơn, quận Kiến An, Hải Phòng

Số điện thoại: 02253.676.885

Sản phẩm:

NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI MY LIFE

Bên nộp



Bên nhận

Nguyễn Thu Hiền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/ĐT/2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐỨC THÀNH

Địa chỉ: Khu dân cư số 4, phường Bắc Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3676.885

Fax:

Mã số doanh nghiệp: 0200742714

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm số 116/2019/ATTP-CNĐK, cấp ngày 20/6/2019 do Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Hải Phòng cấp.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI MY LIFE

2. Thành phần: Sản xuất từ nguồn ngầm.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng.

4. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng uống trực tiếp.

- Điều kiện bảo quản: Bảo quản ở điều kiện bình thường, nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Nước được đóng trong bình hoặc chai bằng chất dẻo đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo QCVN 12-1:2011/BYT: “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng nhựa tổng hợp” ban hành kèm theo Thông tư số 34/2011TT-BYT ngày 30/8/2011 của Bộ Y tế.

- Thể tích thực: Bình: 5 lít, 7,5 lít, 8 lít, 10 lít, 19 lít, 19,5 lít, 20 lít, 21 lít.
- Chai: 300 ml, 330 ml, 350 ml, 500 ml, 1 lít, 1,5 lít.
- Sai số khối lượng bảo đảm theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (có nhãn dự thảo kèm theo)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Sản phẩm nước uống đóng chai MY LIFE đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai số: QCVN 6-1:2010/BYT (có phụ lục kèm theo).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hải Phòng, ngày 22 tháng 6 năm 2020.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Le Giang
KIỂM ĐỐC
Le Giang

NHÃN DỰ THẢO

Nội dung nhãn dự thảo theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017
của Chính phủ về nhãn hàng hóa

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐỨC THÀNH

Địa chỉ: Khu dân cư số 4, Phường Bắc Sơn, Quận Kiến An, TP Hải Phòng

Tên sản phẩm: Nước uống đóng chai MY LIFE

Thành phần: Sản xuất từ nguồn nước ngầm.

Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng uống trực tiếp.

Bảo quản: Bảo quản ở điều kiện bình thường, nơi khô ráo thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Ngày sản xuất:....

Hạn sử dụng: 24 tháng

Thể tích thực:

Số công bố: 01/ĐT/2020

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm đã hết hạn.

203
DN
SP
IG
CT
-T

PHỤ LỤC II
CÁC CHỈ TIÊU HOÁ HỌC CỦA NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI LIÊN QUAN
ĐẾN AN TOÀN THỰC PHẨM

Tên chỉ tiêu	Giới hạn tối đa	Phương pháp thử	Phân loại chỉ tiêu ⁴⁾
1. Antimony, mg/l	0,02	ISO 11885:2007; ISO 15586:2003; AOAC 964.16	A
2. Arsen, mg/l	0,01	TCVN 6626:2000 (ISO 11969:1996); ISO 11885:2007; ISO 15586:2003; AOAC 986.15	A
3. Bari, mg/l	0,7	ISO 11885:2007; AOAC 920.201	A
4. Bor, mg/l	0,5	TCVN 6635:2000 (ISO 9390:1990); ISO 11885:2007	A
5. Bromat, mg/l	0,01	ISO 15061:2001	A
6. Cadmi, mg/l	0,003	TCVN 6193:1996 (ISO 8288:1986); ISO 11885:2007; ISO 15586:2003; AOAC 974.27; AOAC 986.15	A
7. Clor, mg/l	5	ISO 7393-1:1985, ISO 7393-2:1985, ISO 7393-3:1990	A
8. Clorat, mg/l	0,7	TCVN 6494-4:2000 (ISO 10304-4:1997)	A
9. Clorit, mg/l	0,7	TCVN 6494-4:2000 (ISO 10304-4:1997)	A
10. Crom, mg/l	0,05	TCVN 6222:2008 (ISO 9174:1998); ISO 11885:2007; ISO 15586:2003	A
11. Đồng, mg/l	2	TCVN 6193:1996 (ISO 8288:1986); ISO 11885:2007; ISO 15586:2003; AOAC 960.40	A
12. Xyanid, mg/l	0,07	TCVN 6181:1996 (ISO 6703-1:1984); TCVN 7723:2007 (ISO 14403:2002)	A
13. Fluorid, mg/l	1,5	TCVN 6195:1996 (ISO 10359-1:1992); TCVN 6490:1999 (ISO 10359-2:1994); ISO 10304-1:2007	A
14. Chì, mg/l	0,01	TCVN 6193:1996 (ISO 8288:1986); ISO 11885:2007; ISO 15586:2003; AOAC 974.27	A
15. Mangan, mg/l	0,4	TCVN 6002:1995 (ISO 6333:1986); ISO 11885:2007; ISO 15586:2003	A
16. Thủy ngân, mg/l	0,006	TCVN 7877:2008 (ISO 5666:1999); AOAC 977.22	A
17. Molybden, mg/l	0,07	TCVN 7929:2008 (EN 14083:2003); ISO 11885:2007; ISO 15586:2003	A
18. Nickel, mg/l	0,07	TCVN 6193:1996 (ISO 8288:1986); ISO 11885:2007; ISO 15586:2003	A
19. Nitrat ⁵⁾ , mg/l	50	TCVN 6180:1996 (ISO 7890-3:1998); ISO 10304-1:2007	A
20. Nitrit ⁵⁾ , mg/l	3	TCVN 6178: 1996 (ISO 6777:1984); ISO 10304-1:2007	A
21. Selen, mg/l	0,01	TCVN 6183:1996 (ISO 9965:1993); ISO 11885:2007; ISO 15586:2003; AOAC 986.15	A
22. Mức nhiễm xạ			B

Tên chỉ tiêu	Giới hạn tối đa	Phương pháp thử	Phân loại chỉ tiêu ⁴⁾
– Hoạt độ phóng xạ α , Bq/l	0,5	ISO 9696:2007	
– Hoạt độ phóng xạ β , Bq/l	1	ISO 9697:2008	
⁴⁾ Chỉ tiêu loại A: bắt buộc phải thử nghiệm để đánh giá hợp quy. Chỉ tiêu loại B: không bắt buộc phải thử nghiệm để đánh giá hợp quy nhưng tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, chế biến các sản phẩm sữa dạng lỏng phải đáp ứng các yêu cầu đối với chỉ tiêu loại B. ⁵⁾ Tỷ lệ nồng độ của mỗi chất so với giới hạn tối đa: $C_{\text{nitrat}}/\text{GHTĐ}_{\text{nitrat}} + C_{\text{nitrit}}/\text{GHTĐ}_{\text{nitrit}} \leq 1$.			

3/2
NH

PHỤ LỤC III
CÁC CHỈ TIÊU VI SINH VẬT CỦA NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN ĐÓNG CHAI VÀ NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI

I. Kiểm tra lần đầu				
Chỉ tiêu	Lượng mẫu	Yêu cầu	Phương pháp thử	Phân loại chỉ tiêu ⁶⁾
1. E. coli hoặc coliform chịu nhiệt	1 x 250 ml	Không phát hiện được trong bất kỳ mẫu nào	TCVN 6187-1:2009 (ISO 9308-1:2000, With Cor 1:2007)	A
2. Coliform tổng số	1 x 250 ml	Nếu số vi khuẩn (bào tử) □□1 và □ 2 thì tiến hành kiểm tra lần thứ hai	TCVN 6187-1:2009 (ISO 9308-1:2000, With Cor 1:2007)	A
3. Streptococci feacal	1 x 250 ml		ISO 7899-2:2000	A
4. Pseudomonas aeruginosa	1 x 250 ml	Nếu số vi khuẩn (bào tử) > 2 thì loại bỏ	ISO 16266:2006	A
5. Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit	1 x 50 ml		TCVN 6191-2:1996 (ISO 6461-2:1986)	A

II. Kiểm tra lần thứ hai						
Tên chỉ tiêu	Kế hoạch lấy mẫu		Giới hạn		Phương pháp thử	Phân loại chỉ tiêu ⁶⁾
	n ⁷⁾	c ⁸⁾	m ⁹⁾	M ¹⁰⁾		
1. Coliform tổng số	4	1	0	2	TCVN 6187-1:2009 (ISO 9308-1:2000, With Cor 1:2007)	A
2. Streptococci feacal	4	1	0	2	ISO 7899-2:2000	A
3. Pseudomonas aeruginosa	4	1	0	2	ISO 16266:2006	A
4. Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit	4	1	0	2	TCVN 6191-2:1996 (ISO 6461-2:1986)	A

⁶⁾ Chỉ tiêu loại A: bắt buộc phải thử nghiệm để đánh giá hợp quy.

⁷⁾ n: số đơn vị mẫu được lấy từ lô hàng cần kiểm tra.

⁸⁾ c: số đơn vị mẫu tối đa có thể chấp nhận hoặc số đơn vị mẫu tối đa cho phép vượt quá chỉ tiêu vi sinh vật m. Nếu vượt quá số đơn vị mẫu này thì lô hàng được coi là không đạt.

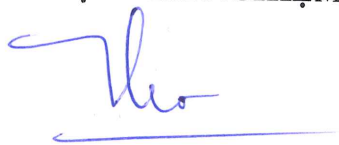
⁹⁾ m: số lượng hoặc mức tối đa vi khuẩn có trong 1 gam sản phẩm; các giá trị vượt quá mức này thì có thể được chấp nhận hoặc không được chấp nhận.

¹⁰⁾ M: là mức vi sinh vật tối đa được dùng để phân định giữa chất lượng sản phẩm có thể đạt và không đạt.

9	Hàm lượng Mn (*)	mg/l	TCVN 6665:2011/ ICP-OES	Không phát hiện (LOD=0,02)
10	Hàm lượng Ni (*)			Không phát hiện (LOD=0,01)
11	Hàm lượng Cd			Không phát hiện (LOD=0,001)
12	Hàm lượng Mo			Không phát hiện (LOD=0,005)
13	Hàm lượng Hg			Không phát hiện (LOD=0,001)
14	Hàm lượng Cl ₂			
15	Hàm lượng Nitrat		TCVN 6225 - 3: 2011	0,3
16	Hàm lượng Nitrit	mg/l	QTTN	0,40
17	Streptococci feacal	MPN/100ml	ISO 7899-2:2000	Không phát hiện
18	E.coli (*)	MPN/100ml	TCVN 6187-1:2009	0
19	Coliforms tổng số (*)	MPN/100ml	TCVN 6187-1:2009	0
20	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sunfit	VK/100ml	TCVN 6191-2:1996	0
**21	Clorat	mg/l	US EPA Method 300.1	Không phát hiện
**22	Clorit	mg/l	US EPA Method 300.1	Không phát hiện
**23	Fluorid	mg/l	TCVN 6195:1996	Không phát hiện
**24	Bromat	mg/l	US EPA Method 300.1	Không phát hiện
**25	Xyanid	mg/l	TCVN 6181:1996	Không phát hiện
**26	Pseudomonas aeruginosa	VK/250ml	ISO 16266:2006	0

Hải Phòng, ngày 22 tháng 6 năm 2020

CÁN BỘ KIỂM NGHIỆM



Phạm Văn Thuấn

TRƯỞNG PHÒNG KN



Đặng Ngọc Tôn Quyên



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thành Liêm

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
2. Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của phòng thử nghiệm.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(*) : Chỉ tiêu đã được VILAS công nhận

(**) : Chỉ tiêu được phân tích tại nhà thầu phụ

BM-KN-01-03 - Phiếu kết quả thử nghiệm

Ngày ban hành: 18/4/2018

CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 240 Văn Cao - P. Đằng Giang - Q. Ngô Quyền - TP. Hải Phòng

Tel: (+84) 225 3553 999 - 225 3732 694

Fax: (+84) 225 3553 999

Số: 443.20/TN1-TTKTTĐC



Trang 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu thử : Nước uống đóng chai My Life
- Của cơ sở : Công ty CP Công nghiệp Đức Thành
Khu 4 dân cư số 4, P. Bắc Sơn, Q. Kiến An, TP. Hải Phòng
- Số lượng mẫu : 01
- Khối lượng mẫu : 03 chai 500ml; mẫu trong chai nhựa
- Ký hiệu mẫu: 546/20/HS
- Ngày nhận mẫu: 15/06/2020
- Cán bộ kiểm nghiệm Tôn Quyền - Ngô Trang - Lộc Vân - Văn Thuận

KẾT QUẢ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị đo	Phương pháp thử	Kết quả
1	Hàm lượng Sb	mg/l	TCVN 6665:2011/ ICP-OES	Không phát hiện (LOD=0,003)
2	Hàm lượng Ba			Không phát hiện (LOD=0,003)
3	Hàm lượng Pb (*)			Không phát hiện (LOD=0,01)
4	Hàm lượng Se			Không phát hiện (LOD=0,007)
5	Hàm lượng Cr			Không phát hiện (LOD=0,005)
6	Hàm lượng Cu (*)			Không phát hiện (LOD=0,03)
7	Hàm lượng As			Không phát hiện (LOD=0,01)
8	Hàm lượng B			Không phát hiện (LOD=0,02)

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
- Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của phòng thử nghiệm.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(*) : Chỉ tiêu đã được VILAS công nhận

(**): Chỉ tiêu được phân tích tại nhà thầu phụ

BM-KN-01-03 - Phiếu kết quả thử nghiệm

Ngày ban hành: 18/4/2018